

Số: **786/2021/QĐST-HNGĐ**

B, ngày 01 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1056/2021/TLST-VHNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố 4C, phường T, TP. B, tỉnh Đ.

- Bà Tống Thị Y, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố 4C phường T, TP. B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông, bà tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và lối sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên ông, bà đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 chung Nguyễn Bình A, sinh ngày 11/5/2018 và Nguyễn Bình M, sinh ngày 17/10/2019. Ly hôn, các bên thỏa thuận giao 02 con cho bà Y nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng 4.000.000đ/tháng/con, kể từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu A và cháu M trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

[3] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Hôn nhân và gia đình - ST: Ông Nguyễn Quốc B và bà Tống Thị Y thuận tình ly hôn phải chịu 300.000đ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc B và bà Tống Thị Y thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 11/5/2018 và Nguyễn Bình M, sinh ngày 17/10/2019 cho bà Y nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng 4.000.000đ/tháng/con, kể từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu A và cháu M trưởng thành có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn ông B và bà Y vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung; ông B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Quốc B và bà Tống Thị Y phải chịu lệ phí theo quy định. Số tiền này được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp tại biên lai thu số 0001169 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP B;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu: hồ sơ vụ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Xuân